

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị

H và anh B

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Nguyễn Văn Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 594/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố V, phường M (thôn V, xã M cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Đội 2 xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1978; Nơi cư trú: tổ dân phố V, phường M (thôn V, xã M cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định

(chị H có có đơn xin xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 09-12-2019, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là phường M, thành phố N ngày 22-9-2004 và có thời gian tìm hiểu trước khi cưới khoảng 03 năm. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc **một thời gian** thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, anh B không tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình và vợ con. Nhiều lần anh B chửi bới và dùng tay chân đánh đập chị H, có lần chị H đã bị thương tích và phải nằm viện để điều trị. Do mâu thuẫn kéo dài nên khoảng tháng 7 năm 2019 chị đã cùng các con về nhà ngoại để ở và vợ chồng cũng ly thân từ thời điểm đó. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn khả năng khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có ba chung là Trần Thị Thu Trang, giới tính nữ, sinh ngày 16-11-2005, Trần Thị Thu Hà, giới tính nữ, sinh ngày 18-11-2009 và Trần Ngọc Kim Ngân, giới tính nữ, sinh ngày 19-01-2018. Hiện tại cả ba cháu đang ở cùng với chị. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu Trang và Trần Ngọc Kim Ngân và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Còn đối với cháu Trần Thị Thu Hà chị H nhất trí để anh B nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh B không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa nên anh B không có quan điểm để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Thị Thu Hà và Trần Thị Thu Trang ngày 06-01-2020, các cháu trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu Trang có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thu H, cháu Hà có nguyện vọng được ở với bố là Trần Văn B.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 24-12-2019 tại Ủy ban nhân dân phường M xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh B thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, chị H hiện đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại huyện V. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh B có ba con chung là Trần Thị Thu Trang, giới tính nữ, sinh ngày 16-11-2005, Trần Thị Thu Hà, giới tính nữ, sinh ngày 18-11-2009 và Trần Ngọc Kim Ngân, giới tính nữ, sinh ngày 19-01-2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký

đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị H và anh B. Về con chung: Cháu Trần Thị Thu Trang có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Trần Ngọc Kim Ngân hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H giao con Trần Thị Thu Trang và Trần Ngọc Kim Ngân cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Thị Thu Hà có nguyện vọng được ở với bố là Trần Văn B, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Thu Hà cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và vay nợ: chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Trần Văn B. Tại phiên tòa lần 2 chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần 2 mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Nam Định năm 2004 nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Chị H và anh B sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Anh B không quan tâm và không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con. Ngoài ra anh B còn có hành vi bạo lực với chị H. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh B. Đối với anh B, Tòa án đã triệu tập nhưng anh B không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh B vẫn

vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh B không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và việc nuôi con. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị H và anh B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con chung: Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con Trần Thị Thu Trang và Trần Ngọc Kim Ngân sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, cháu Trần Thị Thu Trang cũng có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Trần Thị Thu Hà có nguyện vọng ở với bố còn cháu Trần Ngọc Kim Ngân chưa đủ 36 tháng tuổi. Anh B không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa để trình bày về việc nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con là Trần Thị Thu Trang và Trần Ngọc Kim Ngân cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con là Trần Thị Thu Hà cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao con là Trần Thị Thu Trang, giới tính nữ, sinh ngày 16-11-2005 và Trần Ngọc Kim Ngân, Trần Ngọc Kim Ngân, giới tính nữ,

sinh ngày 19-01-2018 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con là Trần Thị Thu Hà, giới tính nữ, sinh ngày 18-11-2009 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tại biên lai số 0002632 ngày 10-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường M;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THA dân sự thành phố N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Kim Huê

